TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2020
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **PHẠM HÙNG THÁI**
2. Ông **NGUYỄN VĂN DỰC**

-Thư ký phiên tòa: Ông **LƯƠNG THẾ VINH** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên toà:* Bà **NGUYỄN VÕ LIÊN ANH** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **NGÔ THỊ T**, sinh năm 1984
Địa chỉ: ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Anh **NGUYỄN VĂN H**, sinh năm 1974
Địa chỉ: ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
(Chị T và anh H đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tờ tự khai, nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:

Chị và anh H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Trong quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng do công việc làm ăn không được thuận lợi nên anh chị phát sinh mâu thuẫn thường cãi vả, không hạnh phúc. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Con chung có hai cháu tên Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 01/8/2002, Nguyễn Duy K, sinh ngày 21/6/2005, hiện đang đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi hết hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tờ tự khai không đề ngày tháng năm, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh H thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, anh cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn do chị T bỏ nhà đi làm cuộc sống vợ chồng mất hạnh phúc và ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh cũng đồng ý ly hôn chị T; đồng ý giao hai con

chung cho chị T nuôi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tòa, chị T và anh H đều có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh H, tiếp tục giao con chung cho chị T nuôi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị Ngô Thị T, anh Nguyễn Văn H đều có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh H.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào lời trình bày của chị T và anh H có trong hồ sơ vụ án thì anh chị xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị T yêu cầu được ly hôn anh H. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T là có cơ sở. Bởi lẽ, anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T chứng tỏ đời sống hôn nhân của anh chị không thể hàn gắn, đoàn tụ được, đã thật sự đổ vỡ, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Từ đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Có hai cháu tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 01/8/2002, Nguyễn Duy K, sinh ngày 21/6/2005, hiện đang đang sống với chị T. Xét thấy, tiếp tục giao hai cháu cho chị T nuôi là có cơ sở. Bởi lẽ, hai cháu đã sống ổn định với chị T từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến nay và bản thân các cháu cũng có mong muốn được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Đồng thời, căn cứ vào văn bản xác minh ghi ý kiến của đại diện địa phương cho rằng các cháu đã sống ổn định với chị T và chị T lo tốt cho các cháu. Thêm vào đó, bản thân anh H cũng thống nhất giao hết hai con chung cho chị T nuôi. Cho nên, tiếp tục giao hai con chung cho chị T nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh chị thống nhất trình bày không có nên không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[6] *Về án phí:* Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[7] Xét lời phát biểu ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ngô Thị T. Cho chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Tiếp tục giao hai cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 01/8/2002, Nguyễn Duy K, sinh ngày 21/6/2005 cho chị T nuôi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Đều không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0003452 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt tại phiên toà nên thời hạn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện C*;
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *UBND xã A;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM